

Số: /BC-UBND

Tân Đoàn, ngày tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO

Tình hình triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc Giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tộc

Thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ về ban hành Chiến lược công tác dân tộc (CLCTDT) giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, Ủy ban nhân dân xã Tân Đoàn báo cáo sơ kết tình hình triển khai như sau:

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO:

Trên cơ sở Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ về ban hành Chiến lược công tác dân tộc (CLCTDT) giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 1657/QĐ-TTg ngày 30/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 13/6/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn thực hiện Chiến lược công tác dân tộc và Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. UBND xã Tân Đoàn đã ban hành Kế hoạch về thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn xã. Đồng thời tổ chức tuyên truyền phổ biến, quán triệt tới toàn thể cán bộ, Đảng viên và nhân dân về nội dung, mục đích ý nghĩa và tầm quan trọng Chiến lược công tác dân tộc và chương trình hành động ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-CP và Quyết định số 1657/QĐ-TTg về ban hành Chiến lược công tác dân tộc, gắn với mục tiêu phát triển bền vững giai đoạn 2021 -2025.

II. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN

Xác định rõ nội dung, trách nhiệm của các cấp, các ngành trong tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đến công tác dân tộc. Dựa trên các văn bản của cấp trên, Ủy ban nhân dân xã xây dựng Kế hoạch thực hiện, tăng cường công tác tuyên truyền, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của toàn xã hội về công tác dân tộc. Phối hợp triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, chính sách đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN:

1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ đột phá và nhiệm vụ chủ yếu trong CLCTDT:

Về cơ chế chính sách: Đã cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc, chính sách dân tộc; nâng cao

hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc. Rà soát, đề xuất xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp nhằm phát huy lợi thế, tiềm năng, đặc thù của vùng đồng bào DTTS và miền núi, hướng tới phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo nhanh, bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Về phát triển nguồn nhân lực: Tập trung đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; trong đó chú trọng đào tạo, quy hoạch, xây dựng và phát triển tại chỗ đội ngũ cán bộ là người DTTS. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS phù hợp với tỷ lệ dân số là người DTTS ở từng địa phương, cơ quan thực hiện chính sách dân tộc. Quan tâm tạo nguồn cán bộ, công chức, viên chức nữ là người DTTS; hỗ trợ nâng cao năng lực để đủ điều kiện giới thiệu tham gia các vị trí lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị.

Về phát triển cơ sở hạ tầng: Phát triển đồng bộ hạ tầng phục vụ sinh hoạt, sản xuất, lưu thông hàng hóa bảo đảm yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương vùng đồng bào DTTS và miền núi. Phát triển hạ tầng kinh tế số, đẩy mạnh chuyển đổi số vùng đồng bào DTTS và miền núi; xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu về dân tộc phục vụ công tác quản lý, điều hành, chỉ đạo.

Nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ: Tăng cường nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ; khuyến khích khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, đổi mới, sáng tạo, phát minh, sáng chế phù hợp điều kiện đặc thù của địa phương.

Công tác thông tin, tuyên truyền: Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phổ biến giáo dục pháp luật cho người dân vùng đồng bào DTTS và miền núi; tăng cường đồng thuận xã hội; củng cố lòng tin của đồng bào DTTS đối với Đảng và Nhà nước.

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ nhiệm vụ chủ yếu:

Đổi mới phương thức quản lý nhà nước về công tác dân tộc: Xác định và phân công rõ vai trò, trách nhiệm của các cơ quan từ tỉnh đến huyện, xã trong thực hiện nhiệm vụ công tác dân tộc và các chính sách dân tộc; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

Về phát triển kinh tế: Tiếp tục tập trung mọi nguồn lực đầu tư phát triển mạnh kinh tế hàng hóa, chú trọng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh tế tư nhân, gắn sản xuất với chế biến, kết nối thị trường, phát huy tiềm năng, lợi thế, phù hợp với đặc thù của các địa phương. Giải quyết đất sản xuất và có chính sách hỗ trợ phù hợp cho hộ đồng bào DTTS và hộ nghèo người dân tộc Kinh sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn; kiên quyết chấm dứt tình trạng phá rừng làm nương rẫy và hủy hoại đất rừng.

Đối với thương mại, dịch vụ, du lịch: thúc đẩy lưu thông và tiêu thụ hàng hóa nội vùng, liên vùng thông qua hệ thống chợ đầu mối, các chợ trung tâm cụm xã. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong phát triển các kênh phân phối và thương mại điện tử; phát triển các mô hình sản xuất kinh doanh mới.

Về phát triển giáo dục - đào tạo: Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở, trong đó đặc biệt ưu tiên xóa mù chữ cho phụ nữ, trẻ em gái ở vùng đồng bào DTTS, đảm bảo tỉ lệ biết chữ cân bằng giữa nam và nữ. Đẩy mạnh công tác giáo dục thể chất nhằm bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, phát triển tầm vóc đối với trẻ em, học sinh vùng đồng bào DTTS và miền núi. Ưu tiên bố trí đủ số lượng, cơ cấu và bồi dưỡng chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục để đáp ứng yêu cầu về đổi mới giáo dục, đào tạo; tiếp tục đề xuất, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và thực hiện hiệu quả các chính sách giáo dục đối với vùng đồng bào DTTS và miền núi.

Về y tế và dân số: Giải quyết các vấn đề sức khỏe của đồng bào DTTS; tăng cường khả năng tiếp cận cũng như cung cấp dịch vụ y tế, dân số có chất lượng, giảm gánh nặng chi phí chăm sóc sức khỏe cho đồng bào DTTS. Trong đó quan tâm thực hiện một số chính sách cụ thể về: Bảo hiểm y tế; nâng cấp hệ thống y tế và phát triển đội ngũ cán bộ y tế cơ sở; tuyên truyền phổ biến chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình; chính sách tiêm chủng, dinh dưỡng và an toàn vệ sinh, an toàn thực phẩm...truyền thông về bình đẳng giới, tác hại của tình trạng tảo hôn, kết hôn cận huyết thống, có cơ chế để phụ nữ người DTTS tiếp cận tốt hơn dịch vụ công, dịch vụ xã hội thiết yếu và các dịch vụ tư vấn về hôn nhân, kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ phụ nữ, trẻ em.

Về bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc: huy các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể của đồng bào DTTS; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của các DTTS; giữ gìn, tôn vinh và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thông qua ngôn ngữ, các ngày lễ, hội, buổi biểu diễn nghệ thuật truyền thống và tết cổ truyền.

Quốc phòng, an ninh: Tập trung tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của đồng bào DTTS để kịp thời nhận diện, chủ động đấu tranh, ngăn chặn, vô hiệu hóa âm mưu, thủ đoạn, hoạt động của các thế lực thù địch, phản động, nhằm kích động biểu tình, lôi kéo, phá rối trật tự an toàn xã hội, không để hình thành các “điểm nóng” về an ninh, trật tự, hát huy vai trò của đồng bào DTTS, người có uy tín trong đồng bào DTTS trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Làm tốt công tác tuyển, chọn thanh niên làm nghĩa vụ quân sự ở vùng đồng bào DTTS. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên vùng đồng bào DTTS và miền núi bảo đảm về số lượng, nâng cao về chất lượng.

Kết quả thực hiện chương trình, chính sách, đề án do Trung ương tỉnh, ban hành và của cơ quan thực hiện

(có số liệu phụ lục kèm).

IV. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN:

1. Thuận lợi:

Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, chiến lược, chương trình mục tiêu quốc gia về công tác dân tộc, giải quyết các vấn đề xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đều tích cực tham gia vào công

tác dân tộc, huy động sức mạnh của toàn dân.

2. Khó khăn vướng mắc:

Chính sách còn mang tính hỗ trợ, cho không, chưa khuyến khích tính tự vươn lên, cơ sở hạ tầng còn yếu kém, sự phối hợp giữa các cơ quan còn hạn chế, và bộ máy tổ chức ở cấp cơ sở gặp khó khăn sau sáp nhập, cán bộ cấp xã làm công tác dân tộc, tôn giáo là kiêm nhiệm, không chuyên trách, dẫn đến ảnh hưởng đến chất lượng tham mưu và hiệu quả công việc.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:

Kiến nghị cấp trên thường xuyên nắm bắt cơ sở, thường xuyên mở các lớp tập huấn bồi dưỡng cho đội ngũ làm công tác chiến lược dân tộc.

VI. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC DÂN TỘC.

1. Phương hướng:

a, Tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về công tác dân tộc, chính sách dân tộc; rà soát, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

b) Xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp nhằm phát huy lợi thế, tiềm năng, đặc thù của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hướng tới phát triển bền vững và thúc đẩy tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào dân tộc thiểu số trong phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo nhanh, bền vững và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

c) Về phát triển nguồn nhân lực

- Ưu tiên đào tạo nhân lực chất lượng cao để làm đầu mối dẫn dắt, tập hợp đồng bào dân tộc thiểu số trong tổ chức sản xuất, quản lý xã hội; phát triển nguồn nhân lực có khả năng ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ mới, kết hợp với phát huy các tri thức bản địa và kinh nghiệm sống, sản xuất của đồng bào trong phát triển kinh tế và giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn xã hội.

- Tập trung đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; trong đó chú trọng đào tạo, quy hoạch, xây dựng và phát triển tại chỗ đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số ở từng địa phương, cơ quan, đơn vị; đặc biệt là tại các cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc.

- Quan tâm tạo nguồn cán bộ, công chức, viên chức nữ là người dân tộc thiểu số; hỗ trợ nâng cao năng lực để đủ điều kiện giới thiệu tham gia các vị trí lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị. Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, dạy nghề đối với con em vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

d) Phát triển đồng bộ hạ tầng thiết yếu, phục vụ sinh hoạt, sản xuất, giao thương, tăng cường kết nối thị trường, lưu thông hàng hóa bảo đảm yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

đ) Phát triển mạnh hạ tầng kinh tế số, đẩy mạnh chuyển đổi số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia về dân tộc phục vụ công tác quản lý, điều hành, chỉ đạo của các cơ quan chức năng.

e) Tăng cường nghiên cứu và ứng dụng các tiên bộ khoa học, công nghệ; khuyến khích khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, đổi mới, sáng tạo, phát minh, sáng chế phù hợp điều kiện đặc thù của các địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

g) Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, phổ biến giáo dục pháp luật cho Nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tăng cường đồng thuận xã hội; củng cố lòng tin của đồng bào với Đảng và Nhà nước."

2. Nhiệm vụ chủ yếu thực hiện:

a) Đổi mới phương thức quản lý nhà nước về công tác dân tộc

Xác định và phân công rõ vai trò, trách nhiệm của các cơ quan từ Trung ương đến địa phương trong thực hiện nhiệm vụ công tác dân tộc và các chính sách dân tộc; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực công tác dân tộc; đổi mới tổ chức của Ủy ban Dân tộc và cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở địa phương theo hướng tinh gọn, đồng bộ, thống nhất, linh hoạt, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

b) Về phát triển kinh tế

Tập trung mọi nguồn lực đầu tư phát triển mạnh kinh tế hàng hóa nhiều thành phần; chú trọng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh tế tư nhân, gắn sản xuất với chế biến, kết nối thị trường, tạo chuỗi giá trị, gia tăng giá trị nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế và phù hợp với đặc thù của các địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Đối với nông nghiệp: Phát triển nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững, nâng cao chất lượng, gia tăng giá trị và khả năng cạnh tranh; tập trung hình thành các vùng chuyên canh tập trung với quy mô hợp lý, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu và sử dụng lao động tại chỗ; chú trọng cơ cấu sản phẩm nông nghiệp theo 3 nhóm sản phẩm chủ lực gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); định hướng cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo lĩnh vực và vùng phù hợp với kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025.

+ Chú trọng phát triển lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân; hoàn thành giao đất gắn với giao rừng cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình theo quy hoạch được phê duyệt; giải quyết đất ở, đất sản xuất và có chính sách hỗ trợ phù hợp cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số và hộ nghèo

người Kinh sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; kiên quyết chấm dứt tình trạng phá rừng làm nương rẫy và hủy hoại đất rừng.

- Đối với công nghiệp - xây dựng:

+ Rà soát, quy hoạch hợp lý các ngành công nghiệp, lựa chọn một số ngành, lĩnh vực chủ yếu, có tiềm năng, thế mạnh để ưu tiên phát triển gắn liền với tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn và địa bàn sinh sống của đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Bố trí nguồn lực nhà nước và huy động các nguồn lực xã hội để đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trong đó ưu tiên kiên cố hóa đường giao thông, công trình thủy lợi, chợ, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa; kết nối điện lưới quốc gia tới các hộ gia đình; hoàn thiện kết cấu hạ tầng viễn thông, thông tin, truyền thông phục vụ nhu cầu sản xuất, sinh hoạt.

c) Về phát triển giáo dục - đào tạo

- Phát huy và nâng cao hiệu quả công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở, trong đó đặc biệt ưu tiên xóa mù chữ cho phụ nữ, trẻ em gái ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đảm bảo tỉ lệ biết chữ cân bằng giữa nam và nữ; thực hiện hiệu quả chính sách cử tuyển đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số, gắn đào tạo với nhu cầu và khả năng bố trí việc làm tại địa phương.

- Đẩy mạnh công tác giáo dục thể chất nhằm bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, phát triển tâm vóc đối với trẻ em, học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Dạy song hành tiếng Việt và tiếng dân tộc thiểu số phù hợp với nhu cầu, năng lực và năng khiếu của từng nhóm đối tượng.

- Ưu tiên bố trí đủ số lượng, cơ cấu và bồi dưỡng chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục để đáp ứng yêu cầu về đổi mới giáo dục, đào tạo; tiếp tục nghiên cứu, đề xuất, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và thực hiện hiệu quả các chính sách giáo dục đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

d) Về y tế và dân số

- Ưu tiên giải quyết các vấn đề sức khỏe của đồng bào dân tộc thiểu số; tăng cường khả năng tiếp cận cũng như cung cấp dịch vụ y tế, dân số có chất lượng cho đồng bào; giảm gánh nặng chi phí chăm sóc sức khỏe cho người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số. Trong đó quan tâm thực hiện một số chính sách cụ thể về: Bảo hiểm y tế; nâng cấp hệ thống y tế và phát triển đội ngũ cán bộ y tế cơ sở; tuyên truyền phổ biến chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình; chính sách tiêm chủng, dinh dưỡng và an toàn vệ sinh, an toàn thực phẩm...

- Tăng cường hướng dẫn, truyền thông về bình đẳng giới, tác hại của tình trạng tảo hôn, kết hôn cận huyết thống, có cơ chế để phụ nữ người dân tộc thiểu số tiếp cận tốt hơn dịch vụ công, dịch vụ xã hội thiết yếu và các dịch vụ tư vấn về hôn nhân, kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ phụ nữ, trẻ em.

đ) Về bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc

Thực hiện bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của các dân tộc thiểu số; giữ gìn, tôn vinh và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống thông qua ngôn ngữ, chữ viết, các ngày lễ, hội, buổi biểu diễn nghệ thuật truyền thống và tết cổ truyền. Phát triển đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ văn hóa tinh thần của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

e) Quốc phòng, an ninh

- Tổ chức tốt công tác nắm tình hình, tâm tư, nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số, Giải quyết kịp thời những phức tạp liên quan đến hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, không để kẻ địch và các thế lực phản động lợi dụng kích động quần chúng chống đối với danh nghĩa “dân tộc”, “tôn giáo”, “dân chủ”, “nhân quyền”. Tiếp tục phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi về số lượng, nâng cao về chất lượng, tăng cường phối hợp giữa dân quân tự vệ với lực lượng công an xã trong giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở, qua đó góp phần xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, gắn với thể trận an ninh nhân dân, xây dựng thể trận lòng dân vững chắc.

Trên đây là báo cáo Sơ kết tình hình triển khai thực hiện chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn xã Tân Đoàn.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ tỉnh;
- CT, các PCT UBND xã;
- Các Phòng Chuyên môn xã;
- Lưu: VT, PVH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Lê Quý

Phụ lục

1. Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số:

- Tổng số hộ dân tộc thiểu số năm 2023: 2.293 hộ
- Tổng số hộ nghèo năm 2023: 177 hộ
- Số hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số năm 2023: 177 hộ
- Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số năm 2023: 7,7 %
- Tổng số hộ dân tộc thiểu số năm 2024: 2.335 hộ
- Tổng số hộ nghèo năm 2024: 128 hộ.
- Số hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số năm 2024: 128 hộ
- Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số năm 2024: 5,5 %
- Tổng số hộ dân tộc thiểu số năm 2025: 2.361 hộ
- Tổng số hộ nghèo năm 2025: 68 hộ
- Số hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số năm 2025: 68 hộ
- Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số năm 2025: 2.9 %

2. Tỷ lệ thôn đặc biệt khó khăn

- Tổng số thôn: 0
- Tổng số thôn đặc biệt khó khăn: 0
- Tỷ lệ: 0 %

3. Tỷ lệ thôn có đường ô tô từ thôn đến trung tâm xã được cứng hóa

- Tổng số thôn: 21
- Tổng số thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa: 21/21
- Tỷ lệ: 100 %

4. Trên 85% số thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân -

- Tổng số thôn: 21
- Tổng số thôn có đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân: 6/21
- Tỷ lệ: 28,5%

5. Tỷ lệ số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp

- Tổng số hộ: 2.362
- Tổng số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp: 2.362
- Tỷ lệ: 100 %

- 6. Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh**
- Tổng số hộ: 2.632
 - Tổng số hộ đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh: 2.632
 - Tỷ lệ: 100%
- 7. Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình**
- Tổng số hộ: 2.632
 - Tổng số hộ đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình: 2.632
 - Tỷ lệ: 100 %
- 8. Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số được nghe đài phát thanh**
- Tổng số hộ: 2.632
 - Tổng số hộ đồng bào dân tộc thiểu số được nghe đài phát thanh: 2.632
 - Tỷ lệ: 100 %
- 9. Tỷ lệ thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng**
- Tổng số thôn: 20/21
 - Tổng số thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng: 20/21
 - Tỷ lệ: 95,2 %
- 10. Tỷ lệ thôn có đội văn hóa, văn nghệ (hoặc câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng:**
- Tổng số thôn: 21
 - Tổng số thôn có đội văn hóa, văn nghệ (hoặc câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng: 14/21
 - Tỷ lệ: 66,6 %
- 11. Sắp xếp, bố trí ổn định số hộ di cư không theo quy hoạch**
- Tổng số hộ phải sắp xếp, bố trí ổn định số hộ di cư không theo quy hoạch: 0
 - Tổng số đã được sắp xếp, bố trí ổn định số hộ di cư không theo quy hoạch: 0
 - Tỷ lệ: .. %
- 12. Sắp xếp, di dời, bố trí số hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở**
- Tổng số hộ phải sắp xếp, di dời: 03
 - Tổng số đã được sắp xếp, di dời: 03
 - Tỷ lệ: 100 %
- 13. Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông**

- Tổng số người từ 15 tuổi trở lên: 9.110
- Tổng số người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông: 8.600

- Tỷ lệ: 94,5%

14. Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế

- Tổng số người dân tộc thiểu số: 10.200
- Tổng số người dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế: 10.000
- Tỷ lệ: 98 %

15. Phần đầu có 80% số hộ nông dân người dân tộc thiểu số làm kinh tế nông - lâm nghiệp hàng hóa

- Tổng số hộ nông dân người dân tộc thiểu số: 2.338 hộ
- Tổng số hộ nông dân người dân tộc thiểu số làm kinh tế nông - lâm nghiệp hàng hóa: 122 hộ
- Tỷ lệ: 0,052 %

16. Xóa tình trạng nhà ở đơn sơ, nhà thiếu kiên cố; ngăn chặn tình trạng suy thoái môi trường sinh thái

- Tổng số hộ người dân tộc thiểu số: 2.330 hộ
- Tổng số hộ người dân tộc thiểu số không có nhà ở: 0 hộ
- Tỷ lệ hộ không có nhà ở: 0 %
- Tổng số hộ người dân tộc thiểu số có nhà ở đơn sơ, nhà thiếu kiên cố: 0 hộ
- Tỷ lệ hộ có nhà ở đơn sơ, nhà thiếu kiên cố: 0 %